

Số: 330 /HĐQT-HACCI

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020,
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp của Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 (Có báo cáo kiểm toán kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 1 HÀ NỘI



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Hoàng Văn Hòa



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội được lập ngày 14 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

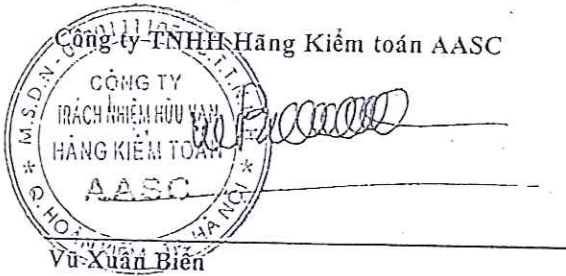
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc,

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0937-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		977.717.789.274	1.076.041.772.867
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	55.468.078.499	74.319.050.260
111	1. Tiền		28.118.507.058	61.969.478.819
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.349.571.441	12.349.571.441
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	11.818.601.532	19.795.023.326
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.818.601.532	19.795.023.326
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		480.742.938.466	508.902.671.041
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	441.578.648.438	477.618.482.516
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	50.200.273.581	46.281.410.787
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	39.895.378.312	24.186.171.469
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(50.931.361.865)	(39.183.393.731)
140	IV. Hàng tồn kho	09	418.157.276.448	470.015.823.938
141	1. Hàng tồn kho		418.157.276.448	475.788.743.547
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(5.772.919.609)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.530.894.329	3.009.204.302
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.098.579.450	3.009.204.302
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.432.314.879	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		111.973.835.931	123.581.530.345
220	I. Tài sản cố định		3.476.374.417	4.734.900.397
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.454.324.417	4.675.050.397
222	- Nguyên giá		47.324.380.123	68.171.744.710
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.870.055.706)	(63.496.694.313)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	22.050.000	59.850.000
228	- Nguyên giá		189.000.000	189.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(166.950.000)	(129.150.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	75.676.597.621	80.267.386.112
231	- Nguyên giá		120.865.518.943	120.198.236.216
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.188.921.322)	(39.930.850.104)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	04	28.774.941.986	28.774.941.986
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		30.800.000.000	30.800.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.025.058.014)	(2.025.058.014)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		4.045.921.907	9.804.301.850
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.009.393.209	9.789.351.026
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33	36.528.698	14.950.824
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>1.089.691.625.205</u>	<u>1.199.623.303.212</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		889.517.173.693	1.001.238.468.151
310	I. Nợ ngắn hạn		881.193.055.844	992.778.523.829
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	468.896.405.463	533.300.873.743
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	165.671.209.460	164.876.247.822
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	429.185.307	2.322.706.213
314	4. Phải trả người lao động		9.439.901.778	12.551.104.172
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	8.573.859.613	8.571.618.471
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	120.622.371.222	87.436.751.737
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	63.132.700.179	64.542.082.835
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	40.261.802.145	110.720.840.952
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	816.085.159	5.852.343.159
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.349.535.518	2.603.954.725
330	II. Nợ dài hạn		8.324.117.849	8.459.944.322
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	21	8.324.117.849	8.459.944.322
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		200.174.451.512	198.384.835.061
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	200.174.451.512	198.384.835.061
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		80.000.000.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		36.751.678.000	36.751.678.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.884.515.640	53.624.781.778
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.538.257.872	28.008.375.283
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		16.059.040.628	16.322.799.454
421b	LNST chưa phân phối năm nay		12.479.217.244	11.685.575.829
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>1.089.691.625.205</u>	<u>1.199.623.303.212</u>

Người lập biểu



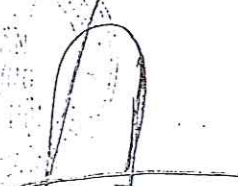
Nguyễn Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng



Tô Ngọc Sơn

Tổng Giám đốc



Trần Đăng Mạnh

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	665.126.107.585	869.331.382.211
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		665.126.107.585	869.331.382.211
11	4. Giá vốn hàng bán	25	627.154.298.885	836.903.550.669
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.971.808.700	32.427.831.542
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	598.604.178	517.291.091
22	7. Chi phí tài chính	27	2.001.748.025	9.503.059.921
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>2.001.466.584</i>	<i>9.503.059.921</i>
25	8. Chi phí bán hàng	28	-	1.383.000.002
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	30.833.491.493	12.848.118.079
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.735.173.360	9.210.944.631
31	11. Thu nhập khác	30	13.264.919.187	7.966.595.403
32	12. Chi phí khác	31	3.263.230.026	857.188.506
40	13. Lợi nhuận khác		10.001.689.161	7.109.406.897
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.736.862.521	16.320.351.528
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	3.257.645.277	3.458.772.691
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	-	264.240.215
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.479.217.244</u>	<u>12.597.338.622</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	<u>1.560</u>	<u>1.575</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng

Tô Ngọc Sơn

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Trần Đăng Mạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.736.862.521	16.320.351.528
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.625.123.396	13.631.296.008
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.516.597.198	6.475.359.580
03	- Các khoản dự phòng		802.964.052	42.394.385
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		281.441	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.501.444.178)	(2.389.517.878)
06	- Chi phí lãi vay		2.001.466.584	9.503.059.921
07	- Các khoản điều chỉnh khác		805.258.299	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.361.985.917	29.951.647.536
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.045.699.376	(34.408.669.293)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		57.631.467.099	47.919.375.579
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(36.975.353.474)	8.107.921.377
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.690.582.669	5.334.944.388
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.039.231.465)	(9.448.732.688)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.989.489.946)	(4.103.714.720)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.944.020.000)	(1.872.420.364)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		50.781.640.176	41.480.351.815
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(667.282.727)	(38.636.364)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		902.840.000	2.146.773.705
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(98.708.257)	(3.474.951.053)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8.075.130.051	3.703.308.007
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		532.354.364	496.044.475
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.744.333.431	2.832.538.770
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		32.728.269.480	179.948.161.516
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(103.187.308.287)	(258.689.354.385)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.917.625.120)	(6.819.318.492)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(78.376.663.927)	(85.560.511.361)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18.850.690.320)	(41.247.620.776)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		74.319.050.260	115.566.671.036
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(281.441)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>55.468.078.499</u>	<u>74.319.050.260</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng

Tô Ngọc Sơn

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Trần Đăng Mạnh